

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SÁNG TẠO CỦA HỌC VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUÂN SỰ HIỆN NAY

NGUYỄN ĐỨC HÙNG*

Ngày nhận bài: 10/03/2017; ngày sửa chữa: 21/03/2017; ngày duyệt đăng: 21/03/2017.

Abstract: Creativity is a leading competence of human being, impacting on development of all aspects of social life, including military. Therefore, developing creativity of students is required at military universities, helping them fulfill tasks and improving militant spirit. The article proposes solutions to develop creativity of students at Military universities with aim to meet requirements of country defence and socio-economic development in current period.

Keywords: Creativity, development, military university, learners.

1. *Năng lực sáng tạo* (NLST) là đặc trưng hàng đầu của con người, yếu tố quan trọng và là động lực to lớn chi phối, tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực quân sự.

Hiện nay, trước yêu cầu bức thiết của sự nghiệp CNH, HĐH, hội nhập quốc tế và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới; với sự phát triển mạnh mẽ khoa học - công nghệ và khoa học kỹ thuật quân sự; trình độ, phương thức tác chiến của chiến tranh hiện đại có nhiều biến đổi khó lường với tính chất, quy mô ngày càng phức tạp và quyết liệt..., do vậy, Quân đội nhân dân Việt Nam phải được xây dựng vững mạnh toàn diện, có chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu cao theo phương hướng “*cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại*”. Từ yêu cầu khách quan đó, đòi hỏi đội ngũ sĩ quan quân đội phải có phẩm chất và năng lực toàn diện; trong đó, yếu tố NLST đóng vai trò đặc biệt quan trọng, giúp họ thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của đơn vị và quân đội.

Sự hình thành, phát triển NLST của người sĩ quan quân đội là một quá trình lâu dài, phức tạp, chịu tác động của nhiều yếu tố; trước tiên là quá trình GD-ĐT của các trường sĩ quan quân đội. Những năm qua, các nhà trường đã có sự quan tâm nhất định đến việc phát triển NLST cho học viên (HV). Phần lớn HV tốt nghiệp ra trường có phẩm chất, năng lực tương đối toàn diện; nhất là tư duy sáng tạo, nhạy bén và khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp vào thực tiễn quản lý, chỉ huy, huấn luyện bộ đội trên từng cương vị, chức trách; hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ đơn vị, quân đội giao cho. Tuy nhiên, vẫn còn một số lãnh đạo, chỉ huy, giảng viên, cán bộ quản lý chưa

thật sự coi trọng phát triển NLST cho HV. Nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo của các trường đại học quân sự còn bộc lộ không ít bất cập, lạc hậu, chậm đổi mới. Công tác bảo đảm cơ sở vật chất phương tiện kỹ thuật có thời điểm chưa được quan tâm, chú trọng. Đối với một số HV, nhận thức về NLST và trách nhiệm của bản thân trong việc phát triển NLST vẫn giản đơn; còn tư tưởng ỷ lại, dựa dẫm, thụ động; chưa tự giác, tích cực, năng động, sáng tạo trong học tập, rèn luyện; kết quả học tập, nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Do đó, khi tốt nghiệp ra trường thường lúng túng, bị động trước môi trường mới; việc nắm bắt, đánh giá, giải quyết công việc thực tiễn còn cứng nhắc, rập khuôn, máy móc... Điều đó đã ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ của bản thân cũng như chất lượng hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị và quân đội.

2. Để phát triển có hiệu quả NLST cho HV ở các trường đại học quân sự hiện nay, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và chiến đấu của quân đội trong tình hình mới, các nhà trường thực hiện tốt một số giải pháp cơ bản sau:

2.1. Đổi mới đồng bộ các thành tố cơ bản của quá trình đào tạo ở các trường đại học quân sự theo hướng phát triển NLST cho HV:

2.1.1. *Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa.* Đây là biện pháp quan trọng, tạo tiền đề cho việc đổi mới các thành tố khác trong quá trình đào tạo. Theo đó, nội dung, chương trình đào tạo phải thể hiện sự chuẩn hoá, hiện đại hoá theo tiêu chí chung của Bộ GD-ĐT, phù hợp biến đổi mạnh mẽ của thực tiễn quân sự. Cần chuẩn

* Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

hóa hệ thống khái niệm, phạm trù của môn học; nguồn tài liệu, sách giáo khoa, giáo trình, giáo án của giảng viên; tỉ lệ đơn vị kiến thức từng học phần, giữa lí thuyết với thực hành. Khắc phục trùng lặp, chồng chéo, bảo đảm tính hệ thống, logic giữa các năm học và các chuyên ngành đào tạo. Tinh giản các nội dung lạc hậu, không thiết thực; kết hợp tri thức hiện đại với truyền thống; nhất là kinh nghiệm, nghệ thuật quân sự truyền thống của quân đội ta. Tăng cường nội dung mang tính chuyên ngành, chuyên môn và dành nhiều thời lượng cho thực hành, thực tế, seminar, tự học, tự nghiên cứu; chú trọng đúng mức nội dung kinh nghiệm hoạt động sáng tạo, nhất là phương pháp phát hiện và vận dụng kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo vào giải quyết hiệu quả các vấn đề, tình huống nảy sinh. Kết cấu nội dung, chương trình phải kết hợp chặt chẽ giữa trang bị kiến thức, rèn luyện tư duy khoa học với nâng cao khả năng sáng tạo của HV; giúp HV có tư duy hệ thống, mạch lạc, bao quát nhiều nguồn tài liệu khi giải quyết các vấn đề học tập; tạo ra được các mâu thuẫn nhận thức xuất hiện thường xuyên, liên tục với sự kích thích, đòi hỏi cao về sự sáng tạo để HV tìm tòi, nỗ lực giải quyết.

Mặt khác, việc chuẩn hóa nội dung, chương trình đào tạo cần hài hòa, đa dạng nội dung, nguồn tài liệu giáo trình, kênh thông tin... góp phần kích thích óc tò mò khoa học, đam mê nghiên cứu, sáng tạo của HV. Đồng thời, tích cực cập nhật, chuyển hóa được tri thức khoa học hiện đại tương ứng thành nội dung dạy học, kết hợp đổi mới đồng bộ hệ thống kiến thức theo hướng “*cơ bản, toàn diện, thống nhất, chuyên sâu*”, vừa tiên tiến, vừa hiện đại, sát với yêu cầu nhiệm vụ của người sĩ quan tương lai.

2.1.2. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy học (PPDH) nhằm “phát huy tính tích cực, sáng tạo của người học, khắc phục lối truyền thụ một chiều”, coi phát triển NLST cho HV là nhiệm vụ trung tâm, khâu đột phá của đổi mới quá trình dạy học.

Các nhà trường cần đa dạng hoá các PPDH, kết hợp chặt chẽ giữa các phương pháp truyền thống với những phương pháp tiên tiến, hiện đại; vừa kế thừa những kinh nghiệm trong cải tiến phương pháp đã có, vừa vận dụng những thành công, tránh lặp lại những hạn chế, bất cập. Chú trọng vận dụng các PPDH tích cực nhằm kích thích tính tích cực nhận thức của người học, “lấy người học làm trung tâm”, như: dạy học nêu vấn đề, đối thoại, thảo luận; phương pháp đóng vai - mô hình hóa; phương pháp tấn công não, hợp tác; các PPDH thông qua tập thể HV... Qua đó, giúp HV tự tìm kiếm, khám phá, tích lũy tri thức mới theo kiểu

tranh luận, hội thảo; rèn luyện tư duy với tính sáng tạo và phản biện cao. Tạo bầu không khí dân chủ, kích thích sự hưng phấn, tích cực học tập và khả năng phát triển tính độc lập, sáng tạo cũng như các kĩ năng xã hội cho HV. Bên cạnh đó, cần tăng cường các PPDH thực hành nghề nghiệp quân sự và phương pháp tổ chức hoạt động tự học của HV.

Việc đổi mới phải đồng bộ với các thành tố trong quá trình đào tạo, gắn đổi mới các phương tiện kĩ thuật và ứng dụng các thành tựu công nghệ thông tin vào dạy học. Trong quá trình thực hiện cần nắm vững những ưu, nhược điểm của từng phương pháp và căn cứ vào điều kiện cụ thể để áp dụng cho phù hợp.

2.1.3. Bảo đảm cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật góp phần phát triển NLST của HV. Các trường đại học quân sự cần tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang bị thêm những phương tiện, thiết bị kĩ thuật hiện đại phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu, như: khí tài, xe pháo, máy tính, máy chiếu, máy ghi âm, mô hình học cụ, dụng cụ thí nghiệm... Tu sửa, nâng cấp, xây mới hệ thống giảng đường, thao trường, bãi tập, giảng đường chuyên dùng, phòng thí nghiệm, trung tâm công nghệ mô phỏng tác chiến... Cập nhật, bổ sung kịp thời các loại giáo trình, sách báo, tài liệu tham khảo, nâng cấp thư viện phổ thông, đảm bảo khai thác thông tin từ mạng Internet, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thư viện điện tử, đáp ứng nhu cầu tự học, tự nghiên cứu của HV. Qua đó, góp phần thuận lợi cho việc phát triển NLST của HV đạt kết quả cao nhất.

2.1.4. Đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập hướng vào phát triển NLST của HV. Đây là một trong những biện pháp quan trọng, bởi, kiểm tra, đánh giá là một khâu, bộ phận trong quá trình đào tạo, thực hiện tốt sẽ là động lực thúc đẩy sự phát triển NLST của HV.

Việc kiểm tra, đánh giá phải được tiến hành thường xuyên, liên tục, có hệ thống và theo quy trình chặt chẽ. Xác định mục đích, nội dung và lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá phải gắn với việc đánh giá NLST của HV. Xây dựng câu hỏi thi, kiểm tra cần lọc bỏ những câu hỏi kiểm tra kiến thức đơn thuần dẫn đến tình trạng học “vẹt”, học “tủ”, học theo mẫu, ít sáng tạo... Tập trung xây dựng hệ thống câu hỏi mở (để mở), câu hỏi tình huống, câu hỏi yêu cầu HV tự bảo vệ ý kiến của mình, câu hỏi kích thích tư duy tích cực, độc lập, sáng tạo... Buộc HV phải cố gắng trí tuệ cao nhất, đào sâu suy nghĩ, huy động kiến thức tổng hợp cùng các thao tác tư duy, tự lực tìm ra đáp án nhanh, phù hợp; mạnh dạn đưa ra ý tưởng, quan

điểm để phân biện, chứng minh, làm rõ với những câu hỏi tình huống hay vấn đề mở. Sử dụng hợp lý hệ thống phương pháp thi, kiểm tra bằng vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan hoặc hỗn hợp... Có thể đánh giá kết quả HV nắm kiến thức cơ bản, toàn diện cùng khả năng tư duy sáng tạo trong phân tích, suy luận, hệ thống, khái quát hoá kiến thức; hoặc khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức vào giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh. Nên đưa thêm nhiều hình thức đánh giá theo hướng kích thích sự phát triển NLST và năng lực hoạt động thực tiễn cho HV, như: bài tập thực tế, làm việc nhóm, đề án, viết báo cáo... Cần sử dụng tổng hợp các phương pháp, phương tiện hiện đại trong quá trình kiểm tra, đánh giá, đảm bảo khách quan, toàn diện, công khai và công bằng để khuyến khích tinh thần tích cực, nỗ lực, sáng tạo, phấn đấu vươn lên và lòng tin tưởng, tôn trọng của HV đối với giảng viên.

2.2. Tích cực hoá vai trò của chủ thể GD-ĐT ở các trường đại học quân sự trong việc phát triển NLST của HV:

2.2.1. Phát huy vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý ở các trường đại học quân sự hiện nay:

- *Đối với lãnh đạo, chỉ huy các cấp* trong nhà trường cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tạo sự chuyển biến sâu sắc, mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động của mọi lực lượng trong việc phát triển NLST cho HV. Có nghị quyết chuyên đề và cụ thể hóa thành chỉ thị, kế hoạch chỉ đạo, điều hành thực hiện theo phân cấp. Lãnh đạo xây dựng cơ chế phối hợp giữa các chủ thể: từ khâu tuyển sinh đầu vào, thực hành đào tạo, đến việc tổ chức ra trường cho HV; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phương thức phối hợp, trách nhiệm của từng bộ phận... trong việc phát triển NLST cho HV. Lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện nội dung, chương trình, PPDH; chú trọng chuẩn hoá khâu kế hoạch, bố trí sắp xếp nội dung, chương trình, thời gian giảng dạy; đẩy mạnh cải tiến, ứng dụng các phương pháp, phương tiện dạy học tiên tiến hiện đại. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm; phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng trong việc tổ chức tự học, tự rèn luyện, bồi dưỡng kinh nghiệm hoạt động sáng tạo cho HV, nhất là trong thực hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, tham gia hội thi, hội thao... Nâng cao hiệu quả công tác phục vụ, bảo đảm cơ sở vật chất phương tiện gắn xây dựng môi trường GD-ĐT tích cực, thuận lợi để HV phát triển NLST có hiệu quả. Gắn tiêu chí NLST của HV trong phân loại chất lượng,

binh xét khen thưởng hàng năm và phong quân hàm, phân công công tác khi HV tốt nghiệp.

- *Đối với đội ngũ giảng viên*, lực lượng có vai trò quan trọng, tác động trực tiếp đến hiệu quả phát triển NLST cho HV. Cần có nhận thức đúng đắn và nêu cao vai trò, trách nhiệm thực hiện tốt nhiệm vụ này trong quá trình giảng dạy. Tích cực học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ, kỹ năng, tay nghề sư phạm. Thực hiện tốt các khâu, bước trong quy trình giảng dạy theo hướng kích thích tư duy độc lập sáng tạo cho người học. Chú trọng đổi mới và sử dụng đa dạng, linh hoạt các hình thức, phương tiện, PPDH, nhất là PPDH tích cực... Tránh lối truyền thụ một chiều, “dọn cỗ” làm hạn chế khả năng sáng tạo của người học; đồng thời, nắm chắc đặc điểm các đối tượng HV: tố chất, tiềm năng, sở trường, tâm lý, nhu cầu... để có cách thức tác động thích hợp nhằm phát triển hiệu quả NLST ở họ. Kết hợp giữa trang bị tri thức, rèn luyện kỹ năng, kĩ xảo với phát huy tính tích cực, tự giác của HV; khích lệ, động viên kịp thời những cá nhân, tổ, lớp có tinh thần say mê, ham học hỏi, độc lập sáng tạo trong học tập, nghiên cứu... Chú trọng bồi dưỡng cho HV kỹ năng xây dựng kế hoạch tự học, tự rèn, tự nghiên cứu. Đổi mới khâu xây dựng đề thi, kiểm tra và cách đánh giá kết quả theo hướng kích thích khả năng sáng tạo của HV.

- *Đội ngũ cán bộ quản lý HV* phải luôn theo dõi bám sát HV, nắm chắc các tiêu chí phát triển NLST để có biện pháp phù hợp nhằm phát huy cao độ tính tự giác, tích cực, năng động, sáng tạo của HV trong học tập, rèn luyện. Duy trì, điều hành thực hiện nghiêm túc kế hoạch, chương trình huấn luyện; làm tốt công tác bảo đảm cơ sở vật chất, trang bị, phương tiện phục vụ huấn luyện. Tổ chức cho HV thực hiện hiệu quả các hình thức sau bài giảng, như: tự học, nghiên cứu khoa học, hội thi, hội thao, thực tập, kiến tập. Tổ chức các buổi diễn đàn, tọa đàm, trao đổi kinh nghiệm, phương pháp học tập mới cho HV; kết hợp xây dựng tổ, nhóm, đôi bạn học tốt, tổ phương pháp và nhân rộng điển hình về hoạt động sáng tạo... Xây dựng đơn vị có bầu không khí dân chủ, đoàn kết; môi trường sư phạm tích cực, thuận lợi và phong trào thi đua học tập, rèn luyện sôi nổi để HV “phát huy sáng kiến, cống hiến tài năng”, không ngừng phát triển NLST. Thường xuyên tổ chức cho HV tham gia các hoạt động tập thể, ngoại khóa để cọ xát, thử thách trong thực tiễn; giúp họ phản ứng nhanh, thích ứng tốt và vận dụng sáng tạo trước mọi điều kiện hoàn cảnh mới. Kết hợp truyền thụ kinh nghiệm, kỹ năng hoạt động sáng tạo trong học tập, rèn luyện và công tác. Thực hiện nghiêm

túc công tác kiểm tra, đánh giá, phân loại chất lượng, biểu dương, khen thưởng HV gắn với tiêu chí kết quả hoạt động sáng tạo của họ.

2.2.2. Tích cực hóa nhân tố chủ quan của HV trong phát triển NLST. Cần tăng cường giáo dục cho HV có nhận thức đầy đủ về ý nghĩa, tầm quan trọng của NLST và xây dựng động cơ, trách nhiệm đúng đắn trong việc phát triển NLST của mình. Giúp HV nâng cao ý chí, bản lĩnh khắc phục mọi khó khăn, trở ngại trong học tập, rèn luyện, nghiên cứu; có tình cảm, lòng say mê, nhiệt tình tìm tòi, khám phá, lĩnh hội và kiến tạo tri thức mới. Cùng với đó, phát huy tính tích cực, tự giác của HV trong chuẩn bị tâm thế, tác phong, tài liệu, dụng cụ học tập. Tập trung cao độ trí lực, kết hợp tốt nghe, ghi và thao tác tư duy để lĩnh hội khái niệm, nắm được bản chất nội dung bài học; hăng hái phát biểu, tranh luận, phê phán, nêu thắc mắc trước vấn đề chưa hiểu, chưa rõ. Chủ động vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để nhận thức kiến thức mới và giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ, tình huống đặt ra. Luôn trăn trở tìm kiếm giải pháp tối ưu, hướng đi mới cho các vấn đề học tập, nghiên cứu; qua đó, giúp NLST của HV không ngừng được gia tăng, phát triển.

Thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao chất lượng tự học của HV, từ việc xác định động cơ tự học đến việc xây dựng, thực hiện kế hoạch tự học. Phát huy cao độ tính tích cực, tự giác, tận dụng tối đa và sử dụng có hiệu quả thời gian tự học của mỗi người. Chú trọng hướng dẫn về nội dung và phương pháp tự học, như phương pháp đọc, ghi chép tài liệu, xử lí, kiểm nghiệm thông tin, tự bổ sung, tích lũy kiến thức... Qua đó, tự nâng cao trình độ kĩ - chiến thuật, phát triển khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và vận dụng kiến thức giải quyết hiệu quả nhiệm vụ học tập đặt ra. Chống tư tưởng và các biểu hiện ngại khó, vất vả; lười học, lười "động não", tư duy lối mòn, thiếu kiên trì, thụ động, ỷ lại... cản trở tốc độ, hiệu quả phát triển NLST của HV.

Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, chuyển từ giáo dục trang bị kiến thức là chủ yếu sang phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của người học, thì quá trình dạy học hiện nay không chỉ dừng lại ở trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng, thái độ nghề nghiệp để thực hành nghề, mà còn phải hình thành, rèn luyện, phát triển năng lực sáng tạo, khả năng tự thay đổi và thích nghi với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn xã hội, môi trường quân đội. Vì vậy, việc nâng cao, phát triển NLST cho HV ở các trường đại học quân sự hiện nay là phương hướng, biện pháp thiết thực nhằm nâng cao chất

lượng quá trình dạy học, góp phần nâng cao chất lượng GD-ĐT, đáp ứng yêu cầu của xã hội, của sự nghiệp xây dựng và chiến đấu của Quân đội nhân dân Việt Nam trong tình hình mới. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Dũng (2010). *Phương pháp luận sáng tạo và đổi mới*. NXB Trẻ.
- [2] Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] Đảng ủy Quân sự Trung ương (2007). *Nghị quyết số 86/ĐUQTW về công tác giáo dục - đào tạo trong tình hình mới*. NXB Quân đội nhân dân.
- [5] Nguyễn Văn Huyền (1995). *Quá trình sáng tạo và phát triển nhân cách*. Tạp chí Triết học, số 3, tr 9-12.
- [6] Trần Thị Tuyết Oanh (2006). *Dạy học hướng vào phát huy khả năng sáng tạo của sinh viên đại học*. Tạp chí Giáo dục, số 151, tr 13-15.
- [7] Đào Văn Tiến (1998). *Nâng cao năng lực tư duy sáng tạo của đội ngũ sĩ quan cấp phân đội quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*. Luận án tiến sĩ Triết học, Học viện Chính trị quân sự.

Các loại hình tổ chức thực tập...

(Tiếp theo trang 95)

chế độ chính sách cho các thành viên tham gia,...) và nội dung cụ thể của mô hình này sẽ được chúng tôi trình bày trong bài viết khác. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (1986). *Quy chế thực tập sư phạm*.
- [2] Bộ GD-ĐT (2003). *Quy chế thực hành, thực tập sư phạm áp dụng cho các trường đại học, cao đẳng đào tạo giáo viên phổ thông, mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy*.
- [3] Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc gia "Công tác thực tập sư phạm của các trường sư phạm". Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 2008.
- [4] Trần Anh Tuấn (1996). *Quy trình tập luyện hình thành các kĩ năng giảng dạy cho sinh viên trong các hoạt động thực hành - thực tập sư phạm* Luận án phó tiến sĩ). Trường Đại học Sư phạm - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Phạm Thị Thanh (2015) Đề tài: "Giải pháp nâng cao năng lực tham gia đào tạo giáo viên của trường phổ thông thực hành" (thuộc Chương trình khoa học giáo dục cấp Bộ "Đổi mới đào tạo giáo viên trong các trường đại học sư phạm").